



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1119/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2025

V/v lấy ý kiến về dự thảo Nghị định
thay thế Nghị định số 165/2017/NĐ-CP.

Kính gửi:

- Đảng ủy Chính phủ; Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể ở trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 16/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 57/VPCP-KTTH ngày 03/01/2025 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xây dựng dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam (thay thế Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ).

(Các bản dự thảo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính).

Căn cứ quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan có ý kiến tham gia bằng văn bản về dự thảo nêu trên và gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) **trước ngày 01/8/2025** để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành.

Mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan. */s/*

(Chi tiết xin liên hệ đ/c Lê Thị Ngọc Lan, SĐT: 0977562277)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/cáo);
- Các đơn vị trực thuộc BTC (để tham gia ý kiến);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Cục CNTT & CDS (để đăng tải trên Cổng TTĐT Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, QLCS *(50)*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khăng

Khai thác các bản dự thảo theo mã QR:



Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2025

TỜ TRÌNH**Về việc ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng tài sản
tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam**

Kính gửi:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 16/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 57/VPCP-KTTH ngày 03/01/2025 của Văn phòng Chính phủ; Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam (sau đây gọi là dự thảo Nghị định). Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ những vấn đề cơ bản của dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị**

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã giao Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng uỷ Chính phủ “... *khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng ở Trung ương phối hợp chặt chẽ với các địa phương tham mưu hoàn thiện các VBQPPL để kịp thời tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức hoạt động chính quyền địa phương 02 cấp gần với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương,...*”.

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW đã đề ra nhiệm vụ “*Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát, “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.*

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy định pháp luật yêu cầu: “*Đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn*

lực để phát triển. Công tác xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, nâng cao năng lực phản ứng chính sách và giải quyết hiệu quả, kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể; bảo đảm cơ sở pháp lý và các điều kiện để đẩy mạnh thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền; cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong ban hành và tổ chức thi hành pháp luật. Các quy định của luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài”.

2. Cơ sở pháp lý

- Tại khoản 2, khoản 3 Điều 67 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công về quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam thực hiện theo nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công quy định tại Luật này và Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này; theo đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam.

- Quốc hội đã thông qua Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; theo đó, đã điều chỉnh một số quy định về hình thức xử lý tài sản, trình tự, và quy định về thẩm quyền quyết định trong mua sắm, thuê, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền. Vì vậy, cần phải sửa đổi, bổ sung các quy định tương ứng tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP để phù hợp với định hướng chính sách tại Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15.

3. Cơ sở thực tiễn

Ngày 22/01/2024, Bộ Tài chính có Công văn số 890/BTC-QLCS gửi Văn phòng Trung ương Đảng về việc tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 165/2017/NĐ-CP; trên cơ sở báo cáo tổng kết, đánh giá và đề xuất của các Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương, để kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn thực hiện Nghị định số 165/2017/NĐ-CP, Văn phòng Trung ương Đảng đã có Công văn đề nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đưa vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2017/NĐ-CP. Theo tổng hợp báo cáo tổng kết, đánh giá của các Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương thì việc triển khai Nghị định số 165/2017/NĐ-CP còn một số khó khăn, vướng mắc cần phải được sửa đổi, bổ sung, thay thế để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn như:

- Về đối tượng áp dụng: Một số cơ quan, đơn vị của Đảng hiện chưa được quy định cụ thể tại Nghị định 165/2017/NĐ-CP như: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Chính trị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp 1 của ngân sách tỉnh,...

- Theo Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP thì "Cơ quan của Đảng được sử dụng nhà ở công vụ, nhà khách và tài sản khác chưa sử dụng hết công suất để khai thác theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của

Đảng"; tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định khai thác tài sản dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng chưa có quy định cụ thể để làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị thực hiện như: Trình tự, thủ tục giao tài sản bằng hiện vật cho cơ quan, đơn vị; thẩm quyền quyết định bảo dưỡng, sửa chữa, thuê đơn vị có chức năng quản lý vận hành tài sản công; khai thác tài sản công sau thu hồi...

- Việc xác định danh mục tài sản của Đảng, xác định giá trị của tài sản hình thành bao nhiêu là của Đảng, bao nhiêu là của Nhà nước để hạch toán theo dõi, phân bổ tiền thu thanh lý tài sản theo quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP là khó khăn. Vì đa số các tài sản của các cơ quan đảng được hình thành từ nhiều năm về trước và theo quy định trước đây thì các tài sản đó đều được xác định là tài sản của Đảng, nên không được hạch toán, theo dõi riêng....

Từ các cơ sở nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam là cần thiết và có cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn.

Ngày 03/01/2025, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 57/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc về việc cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; trong đó có Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam.

Tuy nhiên, do tổng số điều sửa đổi, bổ sung của Nghị định số 165/2017/NĐ-CP trên 50% số điều của Nghị định. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 thì phải ban hành văn bản thay thế. Vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam (thay thế Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Việc xây dựng Nghị định nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam để: (i) Phù hợp với mô hình tổ chức hệ thống chính trị, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp sau khi sắp xếp tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính; (ii) Giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, các nội dung quy định không còn phù hợp với bối cảnh hiện nay; (iii) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Thứ nhất, quán triệt các chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội); về nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng, khai thác và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị (trong đó có nguồn lực về tài sản công); đẩy mạnh phân cấp hợp lý, hiệu quả (Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ); về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của BCH TW khóa XIII,...).

Thứ hai, các nội dung sửa đổi, bổ sung phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật. Kế thừa các quy định hiện hành qua thực tiễn triển khai phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; đồng thời, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

Thứ ba, các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp nội dung sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15.

Thứ tư, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính chủ động tự chịu trách nhiệm của các cơ quan Đảng cộng sản ở trung ương và địa phương trong việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Để có cơ sở xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã có Công văn số 890/BTC-QLCS ngày 22/01/2024 đề nghị Văn phòng Trung ương Đảng đề nghị các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương và các Tỉnh ủy, Thành ủy tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể.

Căn cứ kết quả tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị định số 165/2017/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Trung ương Đảng và một số cơ quan của Đảng ở trung ương và địa phương xây dựng dự thảo Nghị định. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định và có Công văn số /BTC-QLCS ngày /2025 gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Văn phòng Trung ương Đảng; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Đảng ủy Chính phủ; Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể Trung ương; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đồng thời, đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

Trên cơ sở tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến tham gia, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định và gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

Ngày , Hội đồng thẩm định của Bộ Tư pháp đã họp cho ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định và Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định.

Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, chỉnh lý dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 06 Chương, 52 Điều kèm theo các Biểu mẫu, cụ thể:

Chương I. Quy định chung (07 Điều).

Chương II. Chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan của Đảng (24 Điều).

Chương III. Chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị của Đảng (08 Điều).

Chương IV. Quản lý, sử dụng tài sản do các tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Đảng (04 Điều).

Chương V. Sắp xếp lại, xử lý tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam (05 Điều).

Chương VI. Tổ chức thực hiện (02 Điều).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1, Điều 2)

a) Đối tượng áp dụng:

(1) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài sản: (i) Văn phòng Trung ương Đảng; (ii) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; (iii) Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là tỉnh ủy, thành ủy).

(2) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản:

- Cơ quan của Đảng ở trung ương gồm: (i) Các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng; (ii) *Văn phòng Cơ quan Đảng ủy Quốc hội, cơ quan Đảng ủy Chính phủ, cơ quan Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương (sau đây gọi là cơ quan Đảng ủy ở Trung ương)*; (iii) Cơ quan của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (gồm: Cơ quan Hội đồng Lý luận trung ương, Văn phòng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các Học viện Chính trị khu vực trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh).

- Cơ quan của Đảng ở địa phương gồm: (i) Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Văn phòng tỉnh ủy) và đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy; *Văn phòng Cơ quan Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*; (ii) Văn phòng Đảng ủy cấp xã.

- Đơn vị sự nghiệp của Đảng ở trung ương gồm: (i) Đơn vị sự nghiệp của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; (ii) Đơn vị sự nghiệp thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng; (iii) Đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương.

- Đơn vị sự nghiệp của Đảng ở địa phương gồm: (i) Đơn vị sự nghiệp của Đảng ở cấp tỉnh gồm: Đơn vị sự nghiệp là Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan báo đảng địa phương; Đài phát thanh truyền hình địa phương; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy; (ii) Đơn vị sự nghiệp của Đảng ủy cấp xã.

(3) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

b) Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng ở trung ương và địa phương.

Các nội dung về quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng không quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của Đảng.

Việc quản lý, sử dụng tài sản tại các doanh nghiệp của Đảng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, quy định của Đảng và điều lệ doanh nghiệp.

2.2. Quy định chung (từ Điều 3 đến Điều 7)

Quy định về nguồn hình thành tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng; nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng; trách nhiệm của cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài sản; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản.

2.3. Các quy định cụ thể (từ Chương II đến Chương V)

Nội dung quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định được kế thừa các nội dung đã được quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP hiện vẫn phù hợp với thực tế. Một số nội dung được điều chỉnh, bổ sung để bảo đảm phù hợp với Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 và giải quyết các vướng mắc, bất cập trong thực tế, cụ thể như sau:

a) Điều chỉnh các quy định về thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền và phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp:

- Giao thẩm quyền trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị của Đảng được giao quản lý, sử dụng tài sản quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định.

- Giao thẩm quyền cho Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Giám đốc học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Đảng ủy ở trung ương, Tỉnh ủy, thành ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đảng ủy cấp xã quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền thu hồi, điều chuyển, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản đủ tiêu chuẩn tài sản cố định tại cơ quan, đơn vị của Đảng thuộc phạm vi quản lý (thay vì một số trường hợp thực hiện theo quy định về thẩm quyền áp dụng đối với cơ quan nhà nước như hiện nay) để bảo đảm tính tự quyết, tự chịu

trách nhiệm của khối cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam đối với tài sản tại cơ quan, đơn vị của Đảng.

- Giao Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy, thành ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng thuộc phạm vi quản lý; giao người đứng đầu đơn vị sự nghiệp của Đảng tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản của đơn vị mình vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết để đẩy mạnh phân cấp.

- Giao thẩm quyền quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản trong trường hợp không thay đổi cơ quan quản lý tài sản cho cơ quan, đơn vị của Đảng được giao quản lý, sử dụng tài sản (thay vì phải báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản quyết định như hiện nay).

- Bổ sung quy định về thẩm quyền của Đảng ủy cấp xã trong quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công do cơ quan, đơn vị thuộc Đảng ủy cấp xã quản lý, sử dụng (thay vì thẩm quyền của Văn phòng huyện ủy) để phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Điều chỉnh các quy định về trình tự, thủ tục thực hiện theo hướng đơn giản hóa thủ tục:

- Bỏ quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản và quy định cơ quan, đơn vị của Đảng căn cứ dự toán ngân sách được giao, nguồn kinh phí được phép sử dụng để tổ chức mua sắm, thuê tài sản theo quy định của pháp luật về đấu thầu, không phải thực hiện trình tự, thủ tục trình quyết định mua sắm, thuê tài sản để đơn giản hóa thủ tục và phù hợp với nội dung sửa đổi Luật Đấu thầu tại Luật số 56/2024/QH15 (bỏ quy định về người có thẩm quyền trong đấu thầu là người có thẩm quyền quyết định mua sắm và giao trách nhiệm cho chủ đầu tư, cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư).

- Bỏ quy định về việc phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu về tài sản đối với tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Đảng thông qua hợp đồng tặng cho hoặc hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ Luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan (nếu có).

- Bỏ quy định về thủ tục lấy ý kiến của Bộ Tài chính, Sở Tài chính trước khi cấp có thẩm quyền quyết định giao đất, thu hồi đất thuộc trụ sở làm việc của cơ quan của Đảng theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Nội dung sửa đổi, hoàn thiện:

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý, khai thác tài sản công tại cơ quan, đơn vị của Đảng để phù hợp với quy định của Đảng về quỹ dự trữ ngân sách Đảng và cơ chế tài chính đặc thù của một số cơ quan của Đảng (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh).

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về báo cáo tài sản tại cơ quan, đơn vị của Đảng để phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

d) Nội dung bổ sung:

- Bổ sung quy định về khai thác tài sản tại cơ quan, đơn vị của Đảng theo quy định về khai thác tài sản tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để tạo cơ sở pháp lý khai thác hiệu quả tài sản tại cơ quan, đơn vị của Đảng.

- Bổ sung quy định về khai thác tài sản có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo các hình thức: (i) Giao tài sản có quyết định thu hồi cho đơn vị sự nghiệp của Đảng, doanh nghiệp của Đảng quản lý, khai thác theo quy định của Đảng; (ii) Bố trí trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có quyết định thu hồi (bao gồm hoặc không bao gồm các tài sản khác hiện có tại trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đó) cho cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sử dụng tạm thời trong thời gian chưa có tài sản hoặc đang trong thời gian thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

- Bổ sung hình thức xử lý tài sản được tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Đảng để phù hợp với thực tiễn nhằm xử lý các tài sản này hiệu quả.

- Bổ sung quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại cơ quan, đơn vị của Đảng (thẩm quyền, phê duyệt; trình tự, thủ tục sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; phương án sắp xếp lại, xử lý).

đ) Nội dung lược bỏ:

Bỏ quy định về sử dụng tài sản tại cơ quan, đơn vị của Đảng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư để phù hợp với phạm vi dự án được thực hiện theo phương thức đối tác công tư theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2.4. Tổ chức thực hiện (Chương VI)

Chương này gồm 02 Điều: Điều khoản chuyển tiếp, Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH

VI. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH; TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN; BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH

- Dự thảo Nghị định không quy định thủ tục hành chính thuộc phạm vi phải kiểm soát thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

- Dự thảo Nghị định không có quy định phân biệt về giới.

- Dự thảo Nghị định không có nội dung trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (trong đó có các cam kết về Mua sắm Chính phủ trong Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA).

- Dự thảo Nghị định có nội dung không bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

- Dự thảo Nghị định được xây dựng đảm bảo tuân thủ theo Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025, Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025, Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022, Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ.

VII. BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH

Nghị định này chủ yếu quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục để thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Vì vậy, kinh phí thực hiện Nghị định chủ yếu là kinh phí để thực hiện việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công thực tế hiện nay các cơ quan, tổ chức, đơn vị đang thực hiện và nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị định được sử dụng trong phạm vi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, nguồn kinh phí hợp pháp khác được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị và nguồn kinh phí thu được từ việc xử lý tài sản; không làm phát sinh tăng chi từ ngân sách nhà nước.

* *

*

Các hồ sơ kèm theo Tờ trình này gồm:

(1) Dự thảo Nghị định.

(2) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

(3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân kèm theo bản chụp ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

(4) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp.

(5) Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình triển khai Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam.

Kính trình Chính phủ xem xét, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, QLCS.(06)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Kháng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 2
16.7.2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng ở trung ương và địa phương.

Các nội dung về quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng không quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của Đảng.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản tại các doanh nghiệp của Đảng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, quy định của Đảng và điều lệ doanh nghiệp.

Phương án 1: Việc quản lý, sử dụng tài sản tại Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước.

Phương án 2: *Bổ sung quy định tại Nghị định này để điều chỉnh việc quản lý, sử dụng tài sản tại Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cụ thể theo các nội dung in nghiêng tại dự thảo Nghị định).*

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài sản:

- a) Văn phòng Trung ương Đảng.
- b) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- c) Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là tỉnh ủy, thành ủy).

2. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản:

- a) Cơ quan của Đảng ở trung ương gồm:

Các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng;

Cơ quan Đảng ủy Quốc hội, cơ quan Đảng ủy Chính phủ, cơ quan Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương (sau đây gọi là cơ quan Đảng ủy ở Trung ương);

Cơ quan của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (gồm: Cơ quan Hội đồng Lý luận trung ương, Văn phòng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các Học viện Chính trị khu vực trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh).

- b) Cơ quan của Đảng ở địa phương gồm:

Cơ quan của Đảng ở cấp tỉnh gồm: Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Văn phòng tỉnh ủy) và đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy; *Cơ quan Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;*

Văn phòng Đảng ủy cấp xã.

- c) Đơn vị sự nghiệp của Đảng ở trung ương gồm:

Đơn vị sự nghiệp của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Đơn vị sự nghiệp thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng;

Đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương.

- d) Đơn vị sự nghiệp của Đảng ở địa phương gồm:

Đơn vị sự nghiệp của Đảng ở cấp tỉnh gồm: Đơn vị sự nghiệp là Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan báo đảng địa phương; Đài phát thanh truyền hình địa phương; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy;

Đơn vị sự nghiệp của Đảng ủy cấp xã.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguồn hình thành tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng

1. Tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước.

2. Tài sản đã có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển giao quyền sở hữu cho Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ quỹ dự trữ của ngân sách Đảng và các nguồn kinh phí khác của Đảng.

4. Tài sản do tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước hiến, biếu, tặng cho, viện trợ, tài trợ và các hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác cho Đảng (sau đây gọi là tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Đảng).

5. Tài sản được hình thành từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn vay, vốn huy động, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Tài sản được hình thành từ nhiều nguồn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng

1. Mọi tài sản được hình thành theo quy định tại Điều 3 Nghị định này đều được giao cho cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng quản lý, sử dụng.

2. Việc hình thành tài sản tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản, nguồn tài sản và nguồn kinh phí được phép sử dụng, tuân thủ phương thức, trình tự, thủ tục theo quy định; tài sản phải được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc các công cụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng phải được sử dụng đúng công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, được khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa theo quy định, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Việc sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng làm quà tặng phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

4. Việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng phải bảo đảm công khai, minh bạch, có hiệu quả, tuân theo quy định của pháp luật và quy định của Đảng.

5. Việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng được giám sát, kiểm tra, kiểm toán theo quy định của pháp luật và quy định của Đảng; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài sản

1. Văn phòng Trung ương Đảng:

a) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng, trình cơ quan, người có thẩm quyền của Đảng ban hành quy định về chế độ quản lý tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng.

b) Ban hành văn bản hướng dẫn cấp ủy, văn phòng cấp ủy thực hiện quản lý tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng.

c) Hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ về quản lý tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở trung ương.

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định tại Nghị định này, pháp luật có liên quan và quy định của Đảng.

2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh:

a) Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng thuộc phạm vi quản lý.

b) Hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ về quản lý tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng thuộc phạm vi quản lý.

c) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định tại Nghị định này, pháp luật có liên quan và quy định của Đảng.

3. Tỉnh ủy, thành ủy:

a) Ban hành văn bản hướng dẫn cấp ủy cấp dưới, văn phòng cấp ủy cấp dưới thực hiện quản lý tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở địa phương.

b) Hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ về quản lý tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở địa phương.

c) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định tại Nghị định này, pháp luật có liên quan và quy định của Đảng.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản

1. Cơ quan, đơn vị sự được giao quản lý, sử dụng tài sản có các quyền sau đây:

- a) Sử dụng tài sản phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ, khai thác và sử dụng hiệu quả tài sản được giao theo chế độ quy định.
- c) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.
- d) Khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Bảo vệ, sử dụng tài sản đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.
- b) Lập quản lý hồ sơ tài sản, kế toán tài sản, kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định này và pháp luật về kế toán.
- c) Báo cáo và công khai tài sản theo quy định.
- d) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.
- đ) Bàn giao lại tài sản cho cơ quan có thẩm quyền khi có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền.
- e) Chịu sự giám sát, kiểm tra của Ủy ban kiểm tra thuộc cấp ủy và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và Điều lệ Đảng.
- g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có các quyền sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng tài sản để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.
- b) Giám sát, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công được giao quản lý, sử dụng.
- c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản.
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và quy định của Đảng.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản được giao.

b) Chấp hành các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định tại Nghị định này, quy định của Đảng và các quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm sử dụng tài sản đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và quy định của Đảng về việc quản lý, sử dụng tài sản được giao.

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định của Đảng.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI CƠ QUAN CỦA ĐẢNG

Điều 8. Tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Nhà làm việc, nhà công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, nhà khách (trừ nhà khách giao cho đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp của Đảng quản lý).

2. Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, nhà khách (trừ nhà khách giao cho đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp của Đảng quản lý).

3. Phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị và các tài sản hữu hình khác.

4. Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và các tài sản vô hình khác.

Điều 9. Giao tài sản bằng hiện vật cho cơ quan của Đảng

1. Việc giao tài sản bằng hiện vật cho cơ quan của Đảng được áp dụng trong trường hợp cơ quan của Đảng chưa có tài sản hoặc thiếu tài sản so với tiêu chuẩn, định mức hoặc cần thay thế tài sản hiện có đủ điều kiện thanh lý theo quy định.

Việc giao đất để xây dựng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, nhà khách được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

2. Tài sản giao cho cơ quan của Đảng quản lý, sử dụng bao gồm:

a) Tài sản do các cơ quan có thẩm quyền của Đảng đầu tư xây dựng, mua sắm nhưng chưa xác định cơ quan, đơn vị tiếp nhận cụ thể.

b) Tài sản do cơ quan có thẩm quyền của Đảng thu hồi.

c) Tài sản do cơ quan có thẩm quyền của Đảng xác lập quyền sở hữu.

3. Thẩm quyền quyết định giao tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều này:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định giao tài sản do Văn phòng Trung ương Đảng đầu tư xây dựng mua sắm cho cơ quan của Đảng ở trung ương.

b) *Đảng ủy ở Trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản do Cơ quan Đảng ủy ở trung ương đầu tư xây dựng, mua sắm cho cơ quan của Đảng thuộc Đảng ủy ở Trung ương.*

c) Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản do Học viện đầu tư xây dựng, mua sắm cho cơ quan của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

d) Tỉnh ủy, thành ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản do Văn phòng tỉnh ủy đầu tư xây dựng, mua sắm cho cơ quan của Đảng ở địa phương.

4. Thủ tục giao đổi với tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Cơ quan của Đảng có nhu cầu sử dụng tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét, đề nghị cơ quan đang quản lý tài sản báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này xem xét, quyết định.

Hồ sơ đề nghị được giao tài sản gồm:

Văn bản đề nghị được giao tài sản của cơ quan có nhu cầu sử dụng tài sản (trong đó thuyết minh cụ thể về sự phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng của loại tài sản đề nghị giao): 01 bản chính;

Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị giao (loại tài sản; số lượng; diện tích (đối với tài sản là nhà, đất); thông số kỹ thuật khác (nếu có)): 01 bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị giao tài sản (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đang quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao tài sản về chủng loại, số lượng, diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản hiện đang quản lý kèm theo hồ sơ do cơ quan có nhu cầu sử dụng tài sản lập theo quy định tại điểm a khoản này làm cơ sở cho cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định giao tài sản.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan đang quản lý tài sản, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao tài sản xem xét, quyết định giao tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản không phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản gồm:

Tên cơ quan được giao tài sản để quản lý, sử dụng;

Tên cơ quan đang quản lý tài sản;

Danh mục tài sản giao (chủng loại, số lượng, diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại);

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan đang quản lý tài sản có trách nhiệm bàn giao tài sản cho cơ quan được giao tài sản để quản lý, sử dụng. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Thẩm quyền, thủ tục giao tài sản quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này.

6. Thẩm quyền, thủ tục giao tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định này.

Điều 10. Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của cơ quan của Đảng

1. Trụ sở làm việc của cơ quan của Đảng được đầu tư xây dựng trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ quan của Đảng chưa có trụ sở làm việc hoặc trụ sở làm việc hiện có không bảo đảm điều kiện làm việc theo quy định của pháp luật mà Nhà nước mà không có trụ sở làm việc để giao.

b) Sắp xếp lại hệ thống trụ sở làm việc để đáp ứng yêu cầu công tác.

2. Trụ sở làm việc được đầu tư xây dựng theo một trong các mô hình sau đây:

a) Trụ sở làm việc tập trung.

b) Trụ sở làm việc độc lập.

3. Việc đầu tư xây dựng trụ sở làm việc được thực hiện theo các phương thức sau đây:

a) Giao tổ chức có chức năng thực hiện đầu tư xây dựng trụ sở làm việc theo mô hình trụ sở làm việc tập trung.

b) Giao cơ quan của Đảng trực tiếp sử dụng trụ sở làm việc hoặc tổ chức có chức năng thực hiện đầu tư xây dựng theo mô hình trụ sở làm việc độc lập.

Cơ quan tổ chức được giao thực hiện đầu tư xây dựng trụ sở làm việc phải có đủ năng lực thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan.

c) Phương thức khác theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của cơ quan Đảng được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan và quy định của Đảng.

Điều 11. Mua sắm tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Việc mua sắm trụ sở làm việc và tài sản khác được áp dụng trong trường hợp cơ quan của Đảng chưa có tài sản, còn thiếu tài sản so với tiêu chuẩn, định mức hoặc tài sản hiện có theo tiêu chuẩn, định mức đã đủ điều kiện thanh lý nhưng không có tài sản giao, điều chuyển để thay thế.

2. Việc mua sắm tài sản tại cơ quan của Đảng được thực hiện theo phương thức mua sắm tập trung hoặc mua sắm phân tán.

3. Phương thức mua sắm tập trung được áp dụng khi mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước đối với tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung và có số lượng mua sắm lớn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Các cơ quan của Đảng ở trung ương thực hiện theo danh mục mua sắm tập trung do Chánh Văn phòng Trung ương Đảng ban hành; cơ quan của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện theo danh mục mua sắm tập trung do Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành; các cơ quan của Đảng ở địa phương thực hiện theo danh mục mua sắm tập trung do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành. Trình tự, thủ tục mua sắm tập trung được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Kinh phí mua sắm tài sản tại cơ quan của Đảng được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm hoặc từ quỹ dự trữ của ngân sách Đảng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định của Đảng hoặc nguồn vốn hợp pháp khác. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, cơ quan của Đảng tổ chức thực hiện mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật về đấu thầu, không phải ban hành Quyết định mua sắm.

Điều 12. Mua sắm, quản lý, sử dụng vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan của Đảng

1. Vật tiêu hao là nguyên nhiên liệu, thuốc, sinh phẩm, vật tư, vật liệu, văn phòng phẩm và các vật khác khi đã qua một lần sử dụng thì mất đi hoặc không giữ được tính chất, hình dạng và tính năng sử dụng ban đầu.

2. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, cơ quan của Đảng tổ chức thực hiện mua sắm vật tiêu hao theo quy định của pháp luật về đấu thầu, không phải ban hành Quyết định mua sắm.

3. Đối với vật tiêu hao bị mất đi trong quá trình sử dụng, cơ quan của Đảng quản lý, sử dụng vật tiêu hao không phải thực hiện việc xử lý; trường hợp sử dụng chưa hết nhưng hết hạn sử dụng hoặc hết giá trị sử dụng, cơ quan nhà nước quản lý, sử dụng vật tiêu hao thực hiện hủy bỏ. Đối với vật tiêu hao không bị mất đi trong quá trình sử dụng, cơ quan của Đảng quản lý, sử dụng vật tiêu hao thực hiện hủy bỏ sau khi hết hạn sử dụng hoặc hết giá trị sử dụng, không phải trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc hủy bỏ. Trường hợp cần điều chuyển vật tiêu hao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác quản lý, sử dụng thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định này.

Điều 13. Thuê tài sản phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng

1. Cơ quan của Đảng được thuê tài sản phục vụ hoạt động khi chưa có tài sản hoặc còn thiếu tài sản so với tiêu chuẩn, định mức thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có tài sản để giao, điều chuyển.
- b) Có nhu cầu sử dụng tài sản trong thời gian ngắn hoặc sử dụng không thường xuyên.

c) Việc thuê tài sản hiệu quả hơn so với việc đầu tư xây dựng, mua sắm.

2. Việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Kinh phí thuê tài sản tại cơ quan của Đảng được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm hoặc từ quỹ dự trữ của ngân sách Đảng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định của Đảng. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, cơ quan của Đảng tổ chức thực hiện thuê tài sản theo quy định của pháp luật về đấu thầu, không phải ban hành Quyết định thuê tài sản.

4. Việc thuê tài sản phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng quy định tại Điều này không bao gồm thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của đơn vị. Việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, pháp luật có liên quan và quy định của Đảng.

Điều 14. Khoản kinh phí sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Đối tượng khoán: Cán bộ, công chức, viên chức, đối tượng khác có tiêu chuẩn sử dụng tài sản theo quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Đối tượng khoán cụ thể do Chánh Văn phòng Trung ương Đảng xác định đối với các cơ quan của Đảng ở trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xác định đối với các cơ quan của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban thường vụ tỉnh ủy xác định đối với các cơ quan của Đảng ở địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức khoán kinh phí sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước.

3. Không thực hiện khoán đối với các tài sản liên quan đến bí mật nhà nước. Không thực hiện trang bị tài sản, không bố trí kinh phí vận hành, bảo dưỡng sửa chữa tài sản trong trường hợp đã thực hiện khoán kinh phí sử dụng đối với tài sản đó.

4. Nguồn kinh phí khoán được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, quỹ dự trữ của ngân sách Đảng theo quy định của pháp luật và quy định của Đảng.

5. Các nội dung khác về khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ, xe ô tô, máy móc, thiết bị và các tài sản khác thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước.

Điều 15. Sử dụng chung tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Tài sản tại cơ quan của Đảng chưa sử dụng hết công suất được cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác sử dụng chung gồm:

- a) Trụ sở làm việc, nhà công vụ, nhà khách.
- b) Ô tô và các phương tiện vận tải khác.

2. Đối tượng được sử dụng chung tài sản để phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao gồm:

- a) Cơ quan nhà nước.
- b) Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.
- c) Đơn vị sự nghiệp công lập.
- d) Cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng.
- đ) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Cơ quan của Đảng được giao quản lý, sử dụng tài sản quy định tại khoản 1 Điều này quyết định việc cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc khoản 2 Điều này sử dụng chung tài sản tại cơ quan của Đảng.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng chung tài sản có trách nhiệm:

a) Bảo đảm sử dụng đúng công năng của tài sản, an ninh, an toàn; không được chuyển giao quyền sử dụng chung tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc sử dụng vào mục đích khác.

b) Trả cho cơ quan của Đảng có tài sản cho sử dụng chung một khoản chi phí sử dụng chung để bù đắp chi phí điện, nước, xăng dầu, nhân công phục vụ và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến quản lý vận hành tài sản trong thời gian sử dụng chung, không bao gồm chi phí khấu hao (hao mòn) tài sản cố định.

5. Chi phí sử dụng chung tài sản được xác định trên cơ sở định mức tiêu hao, thời gian sử dụng chung tài sản.

Tiền chi trả chi phí điện, nước, xăng dầu, nhân công phục vụ và các chi phí khác có liên quan được sử dụng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng chung tài sản và được hạch toán vào chi phí hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Cơ quan của Đảng có tài sản cho sử dụng chung có trách nhiệm xuất phiếu thu tiền cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng chung tài sản. Khoản

thu từ việc sử dụng chung tài sản được sử dụng để bù đắp các chi phí cần thiết phục vụ duy trì hoạt động của tài sản dùng chung; phần còn lại (nếu có), cơ quan của Đảng có tài sản được sử dụng để chi cho hoạt động của cơ quan của Đảng và được giảm chi ngân sách tương ứng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 16. Sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Việc sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Không được cho mượn tài sản, sử dụng tài sản vào mục đích cá nhân.

3. Cơ quan của Đảng được sử dụng nhà ở công vụ, nhà khách và tài sản khác để khai thác theo quy định về khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước, quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Đảng.

4. Thẩm quyền quyết định khai thác:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản do các cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng quản lý, sử dụng.

b) Đảng ủy ở Trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản do cơ quan thuộc Đảng ủy quản lý, sử dụng.

c) Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản do cơ quan của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quản lý, sử dụng.

d) Tỉnh ủy, thành ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản do cơ quan của Đảng thuộc tỉnh ủy, thành ủy quản lý, sử dụng.

đ) Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản do cơ quan Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng.

e) Đảng ủy cấp xã quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản do Văn phòng Đảng ủy cấp xã quản lý, sử dụng.

5. Số tiền thu được từ việc khai thác tài sản quy định tại khoản 3 Điều này, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật, phần còn lại được quản lý như sau:

a) Bổ sung vào quỹ dự trữ của ngân sách Đảng tương ứng với từng cấp; trường hợp không có quỹ dự trữ của ngân sách Đảng thì nộp vào quỹ dự trữ ngân sách Đảng cấp trên trực tiếp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Thực hiện theo cơ chế tài chính áp dụng với cơ quan của Đảng (đối với cơ quan của Đảng được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù).

Điều 17. Quản lý vận hành tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Phương thức quản lý vận hành tài sản bao gồm:

a) Cơ quan của Đảng được giao quản lý, sử dụng tài sản trực tiếp thực hiện quản lý vận hành tài sản được giao quản lý, sử dụng.

b) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý trụ sở làm việc tập trung (trong đó có trụ sở làm việc của cơ quan của Đảng) thực hiện việc quản lý vận hành trụ sở làm việc tập trung.

c) Thuê đơn vị có chức năng thực hiện quản lý vận hành.

2. Thẩm quyền quyết định việc thuê đơn vị có chức năng quản lý vận hành tài sản tại cơ quan của Đảng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định này. Nội dung quản lý vận hành tài sản và việc lựa chọn đơn vị có chức năng quản lý vận hành tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước.

Điều 18. Lập, quản lý hồ sơ về tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm lập, quản lý hồ sơ đối với tài sản được giao quản lý.

2. Hồ sơ về tài sản bao gồm:

a) Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản.

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và các báo cáo khác về tài sản.

c) Dữ liệu về tài sản tại cơ quan của Đảng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

Điều 19. Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Cơ quan của Đảng được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước. Việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được từ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước; thẩm quyền quyết định xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ bảo dưỡng, sửa chữa theo hình thức điều chuyển, bán được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 26 Nghị định này.

2. Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản tại cơ quan của Đảng được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm hoặc từ quỹ dự trữ của ngân sách Đảng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định của Đảng.

Điều 20. Chuyển đổi công năng sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Chuyển đổi công năng sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng là việc thay đổi mục đích sử dụng của tài sản. Việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng phải phù hợp với đặc điểm, tính chất của tài sản, tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng:

a) Người đứng đầu cơ quan quản lý, sử dụng tài sản quyết định việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản tại cơ quan mình, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản quyết định việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp xử lý tài sản kết hợp với chuyển đổi công năng sử dụng tài sản.

3. Trình tự, thủ tục quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này:

a) Khi có nhu cầu chuyển đổi công năng sử dụng của tài sản, bộ phận chuyên môn của cơ quan quản lý, sử dụng tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề trình người đứng đầu cơ quan quản lý, sử dụng tài sản xem xét, quyết định.

Hồ sơ đề nghị chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công gồm:

Tờ trình của bộ phận chuyên môn của cơ quan quản lý, sử dụng tài sản về việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển đổi công năng sử dụng (tên tài sản; số lượng; diện tích (đối với tài sản là đất, nhà); mục đích sử dụng hiện tại, mục đích sử dụng dự kiến chuyển đổi; lý do chuyển đổi): 01 bản chính;

Hồ sơ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, người đứng đầu cơ quan có tài sản xem xét, quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản.

Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản gồm:

Tên cơ quan được chuyển đổi công năng sử dụng tài sản;

Danh mục tài sản được chuyển đổi công năng sử dụng (tên tài sản; số lượng; diện tích (đối với tài sản là đất, nhà); mục đích sử dụng hiện tại, mục đích sử dụng được chuyển đổi; lý do chuyển đổi);

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

c) Căn cứ quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản, cơ quan quản lý, sử dụng tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng theo mục đích sử dụng mới, thực hiện việc điều chỉnh thông tin về tài sản trên sổ tài sản của cơ quan và báo cáo kê khai về tài sản theo quy định.

4. Trình tự, thủ tục quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này được thực hiện cùng với trình tự, thủ tục xử lý tài sản công quy định tại Chương này.

Điều 21. Hình thức xử lý tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Thu hồi.
2. Điều chuyển.
3. Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý.
4. Bán. Hình thức bán không được áp dụng đối với tài sản là đất, tài sản gắn liền với đất, trừ đất, tài sản gắn liền với đất đã có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển giao quyền sở hữu cho Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc được hình thành từ quỹ dự trữ ngân sách đảng hoặc được tổ chức, cá nhân khác chuyển giao quyền sở hữu cho đảng.
5. Thanh lý.
6. Tiêu hủy.
7. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.
8. Hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Thu hồi tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Tài sản tại cơ quan của Đảng bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:
 - a) Trữ sở làm việc không sử dụng liên tục quá 12 tháng.
 - b) Được giao trụ sở mới hoặc đầu tư xây dựng trụ sở khác để thay thế.
 - c) Tài sản được sử dụng không đúng đối tượng, vượt tiêu chuẩn, định mức; sử dụng sai mục đích, cho mượn.
 - d) Chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, sử dụng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự không đúng quy định; sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định.
 - e) Tài sản đã được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc sử dụng, khai thác không hiệu quả hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi tổ chức bộ máy, thay đổi chức năng, nhiệm vụ.
 - f) Phải thay thế do yêu cầu đổi mới kỹ thuật, công nghệ theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.
 - g) Cơ quan của Đảng được giao quản lý, sử dụng tự nguyện trả lại tài sản.
 - h) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản tại cơ quan của Đảng:
 - a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi đối với tài sản do các cơ quan của Đảng ở trung ương quản lý, sử dụng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.
 - b) Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc thu hồi đối với tài sản tại cơ quan của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

c) Tỉnh ủy, thành ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản tại cơ quan của Đảng ở địa phương.

3. Trình tự, thủ tục thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước.

Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này quyết định thu hồi. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức thực hiện quyết định thu hồi đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này quyết định thu hồi. Văn phòng tỉnh ủy tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này quyết định thu hồi.

Điều 23. Xử lý, khai thác tài sản có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện quyết định thu hồi quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này có trách nhiệm lập phương án xử lý, phương án khai thác tài sản thu hồi theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này, trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

2. Hình thức xử lý, khai thác tài sản có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Hình thức xử lý tài sản có quyết định thu hồi được áp dụng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 21 Nghị định này.

b) Hình thức khai thác tài sản công có quyết định thu hồi:

Giao tài sản có quyết định thu hồi cho đơn vị sự nghiệp của Đảng, doanh nghiệp của Đảng quản lý, khai thác theo quy định của Đảng.

Bố trí trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có quyết định thu hồi (bao gồm hoặc không bao gồm các tài sản khác hiện có tại trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đó) cho cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sử dụng tạm thời trong thời gian chưa có tài sản hoặc đang trong thời gian thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục phê duyệt phương án xử lý tài sản công có quyết định thu hồi theo các hình thức quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 21 Nghị định này được thực hiện theo quy định tại các Điều 24, 25, 26, 27, 28 và 29 Nghị định này. Riêng văn bản đề nghị xử lý tài sản trong hồ sơ đề nghị xử lý được thay bằng phương án xử lý tài sản thu hồi do cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện quyết định thu hồi quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này lập; trong đó lý do đề nghị xử lý là xử lý tài sản thu hồi.

4. Thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác tài sản có quyết định thu hồi theo các hình thức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định phê duyệt phương án khai thác tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định này quyết định thu hồi.

b) Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quyết định phê duyệt phương án khai thác tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định này quyết định thu hồi.

c) Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thành ủy quyết định phê duyệt phương án khai thác tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định này quyết định thu hồi.

5. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện quyết định thu hồi quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này có trách nhiệm lập phương án khai thác, phương án khai thác tài sản theo các hình thức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, trình người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này xem xét, phê duyệt.

Hồ sơ trình phê duyệt phương án gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt phương án của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ tổ chức thực hiện quyết định thu hồi: 01 bản chính.

b) Phương án khai thác tài sản (đề xuất về hình thức khai thác lý theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 4 Điều 41 của Luật hoặc hình thức khai thác theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này đối với từng tài sản cơ Quyết định thu hồi): 01 bản chính.

c) Quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

d) Hồ sơ khác liên quan đến tài sản và phương án khai thác đề xuất (nếu có): 01 bản sao.

6. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này xem xét, quyết định phê duyệt phương án khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án khai thác tài sản không phù hợp.

7. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này phê duyệt phương án khai thác tài sản, cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản theo phương án khai thác tài sản được phê duyệt. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định này.

Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ tổ chức thực hiện quyết định thu hồi quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này sau khi tiếp nhận tài sản thu hồi có trách nhiệm mở sổ theo dõi tài sản thu hồi, xác định giá trị còn lại của tài sản cố định đến thời điểm xử lý theo quy định áp dụng với cơ quan nhà nước. Chi phí phát sinh trong quá trình quản lý tài sản thu hồi chưa khai thác, xử lý (chi phí bảo vệ, bảo quản, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản) do cơ quan được giao thực

hiện nhiệm vụ tổ chức thực hiện quyết định thu hồi quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này chỉ trả từ dự toán chi thường hoặc từ nguồn kinh phí hợp pháp của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ tổ chức thực hiện quyết định thu hồi.

8. Trường hợp bố trí cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác sử dụng tạm thời thì trong thời gian được bố trí sử dụng tạm thời, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm sử dụng tài sản đúng mục đích được bố trí; thực hiện chi trả chi phí điện, nước, nhân công phục vụ, bảo vệ, chi phí cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa (nếu có) và các chi phí khác có liên quan (không bao gồm chi phí khấu hao, hao mòn tài sản, không phải nộp tiền thuê đất) và được hạch toán vào chi phí hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc tính vào chi phí đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo dự án, nhiệm vụ được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Việc cải tạo, sửa chữa (nếu có) nhà, công trình trong thời gian sử dụng tạm thời do cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tạm thời thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Sau khi hết thời hạn khai thác theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc có quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được bố trí sử dụng tạm thời có trách nhiệm bàn giao lại tài sản cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ tổ chức thực hiện quyết định thu hồi quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này để tiếp tục lập phương án xử lý, khai thác tài sản theo quy định tại Điều này; cơ quan, tổ chức, đơn vị được bố trí sử dụng tạm thời có trách nhiệm bảo đảm tài sản bàn giao lại đang sử dụng, vận hành bình thường.

9. Thẩm quyền, thủ tục thu hồi đất thuộc các trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 24. Điều chuyển tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Tài sản tại cơ quan của Đảng được điều chuyển trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, cơ cấu tổ chức, phân cấp quản lý.
- b) Từ nơi thừa sang nơi thiếu theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.
- c) Việc điều chuyển tài sản mang lại hiệu quả sử dụng cao hơn.
- d) Cơ quan của Đảng được giao quản lý, sử dụng tài sản nhưng không có nhu cầu sử dụng thường xuyên.

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản tại cơ quan của Đảng:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng:

Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng;

Quyết định điều chuyển tài sản từ các cơ quan, đơn vị là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng sang cơ quan, đơn vị của Đảng không phải là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, sang cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

b) Đảng ủy ở Trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản của Cơ quan Đảng ủy ở trung ương.

c) Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh:

Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Quyết định điều chuyển tài sản từ các cơ quan, đơn vị của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh sang cơ quan, đơn vị của Đảng không thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, sang cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

d) Tỉnh ủy, thành ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở địa phương, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này.

đ) Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện điều chuyển tài sản tại cơ quan của Đảng thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước.

Điều 25. Chuyển giao tài sản tại cơ quan của Đảng về địa phương quản lý, xử lý

1. Việc chuyển giao tài sản tại cơ quan của Đảng về địa phương quản lý, xử lý được áp dụng đối với tài sản là trụ sở làm việc và các tài sản khác hiện có tại trụ sở làm việc đó mà cơ quan của Đảng không còn nhu cầu sử dụng.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản tại cơ quan của Đảng về địa phương quản lý, xử lý:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định chuyển giao tài sản tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới thuộc Văn phòng Trung ương Đảng về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, xử lý.

b) Đảng ủy ở Trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản của Cơ quan Đảng ủy ở trung ương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, xử lý.

c) Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quyết định chuyển giao tài sản tại cơ quan của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, xử lý.

d) Tỉnh ủy, thành ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản tại cơ quan của Đảng ở địa phương cho các cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, xử lý.

đ) Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho các cơ quan chức năng của địa phương quản lý, xử lý.

3. Trình tự, thủ tục quyết định chuyển giao, việc xử lý tài sản sau khi chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện theo quy định áp dụng với cơ quan nhà nước.

Điều 26. Bán tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Tài sản tại cơ quan của Đảng được bán trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản bị thu hồi theo quy định tại Điều 23 Nghị định này được xử lý theo hình thức bán.

b) Cơ quan của Đảng được giao sử dụng tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi về tổ chức hoặc thay đổi về chức năng, nhiệm vụ và nguyên nhân khác mà không xử lý theo hình thức thu hồi hoặc điều chuyển.

c) Thực hiện sắp xếp lại việc quản lý, sử dụng tài sản của cơ quan của Đảng theo quy định tại Chương V Nghị định này.

d) Tài sản được thanh lý theo quy định tại Điều 27 Nghị định này được xử lý theo hình thức bán.

2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản tại cơ quan của Đảng trong trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng:

a1) Quyết định bán tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định này tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc Văn phòng Trung ương Đảng đã có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển giao quyền sở hữu cho Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc được hình thành từ quỹ dự trữ ngân sách đảng hoặc được tổ chức, cá nhân khác chuyển giao quyền sở hữu cho Đảng sau khi được cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Đảng phê duyệt và có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản;

a2) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc Văn phòng Trung ương Đảng không thuộc phạm vi quy định tại điểm a1 khoản này.

b) *Đảng ủy ở Trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản do Cơ quan Đảng ủy ở trung ương quản lý, sử dụng.*

c) Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh:

c1) Quyết định bán tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định này tại cơ quan của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển giao quyền sở hữu cho Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc được hình thành từ quỹ dự trữ ngân sách đảng hoặc được tổ chức, cá nhân khác chuyển giao quyền sở hữu cho Đảng sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản;

c2) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định tại cơ quan của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh không thuộc phạm vi quy định tại điểm c1 khoản này.

d) Tỉnh ủy, thành ủy:

d1) Quyết định bán tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định này tại cơ quan của Đảng ở địa phương đã có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển giao quyền sở hữu cho Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc được hình thành từ quỹ dự trữ ngân sách đảng hoặc được tổ chức, cá nhân khác chuyển giao quyền sở hữu cho Đảng sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản;

d2) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định tại cơ quan của Đảng ở cấp tỉnh không thuộc phạm vi quy định tại điểm d1 khoản này.

đ) Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định của cơ quan Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp quy định tại điểm d1 khoản này.

e) Đảng ủy cấp xã quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định tại cơ quan của Đảng ở cấp xã, trừ trường hợp quy định tại điểm d1 khoản này.

g) Cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản quyết định bán đối với:

g1) Tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo phân cấp của Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, *Ban thường vụ Đảng ủy ở Trung ương*, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tỉnh ủy, thành ủy;

g2) Tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định thanh lý tài sản tại cơ quan của Đảng theo hình thức bán được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

4. Hình thức bán tài sản tại cơ quan của Đảng được thực hiện quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước và quy định sau:

a) Việc bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện theo phương thức đấu giá. Căn cứ Quyết định bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương nơi có tài sản đề lập phương án đấu giá trụ sở làm việc, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có tài sản) phê duyệt. Phương án đấu giá tài sản gồm những nội dung chính sau:

Thông tin về tài sản gắn liền với đất (trong trường hợp không thực hiện thanh lý tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức bán đấu giá).

Thông tin về đất: Vị trí; diện tích đất đấu giá; mục đích sử dụng đất đấu giá; hình thức sử dụng đất đấu giá (giao đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm); thời hạn sử dụng đất đấu giá; giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá đất của mục đích đất đấu giá tại Bảng giá đất tại thời điểm lập phương án đấu giá trụ sở làm việc.

Thông tin về quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng chi tiết liên quan đến tài sản.

Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá.

Hình thức đấu giá được áp dụng khi thực hiện cuộc đấu giá.

b) Xác định giá khởi điểm bán trụ sở làm việc:

b1) Giá khởi điểm để đấu giá được xác định bằng giá trị quyền sử dụng đất (trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán quyết định thanh lý phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi bán) hoặc bằng giá trị quyền sử dụng đất và giá trị của tài sản gắn liền với đất (trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán tài sản gắn liền với đất cùng với quyền sử dụng đất) và được xác định tại thời điểm xác định giá.

Trong đó:

Giá trị quyền sử dụng đất được xác định theo thời hạn giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo mục đích sử dụng khu đất theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt tương ứng với diện tích đất có Quyết định bán. Giá đất cụ thể để tính giá trị quyền sử dụng đất được xác định theo giá đất của mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng tương ứng tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

Giá trị của tài sản gắn liền với đất được xác định bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản.

b2) Trên cơ sở phương án đấu giá trụ sở làm việc được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản lập hồ sơ đề nghị xác định giá trị quyền sử dụng đất, gửi cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Hồ sơ đề nghị xác định giá trị quyền sử dụng đất gồm:

Văn bản đề nghị xác định giá trị quyền sử dụng đất của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản: 01 bản chính;

Quyết định bán tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

Phương án đấu giá trụ sở làm việc được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt: 01 bản sao.

b3) Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị xác định giá khởi điểm, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện xác định giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt giá trị quyền sử dụng đất.

b4) Trường hợp không thực hiện thanh lý tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức đấu giá thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giả hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá xác định giá trị tài sản gắn liền với đất bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản để làm căn cứ, báo cáo người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

b5) Trường hợp thực hiện thanh lý tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức đấu giá thì người trúng đấu giá có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm có Quyết định bán.

5. Trình tự, thủ tục và việc tổ chức bán tài sản tại cơ quan của Đảng thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước.

Điều 27. Thanh lý tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Tài sản tại cơ quan của Đảng được thanh lý trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật (hết thời gian sử dụng để tính hao mòn tài sản theo chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc hết tần suất sử dụng theo quy định của pháp luật).

b) Tài sản chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự kiến chi phí sửa chữa lớn hơn 30% nguyên giá trong trường hợp xác định được nguyên giá hoặc lớn hơn 30% giá trị đầu tư xây dựng, mua sắm mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tương đương tại thời điểm thanh lý trong trường hợp không xác định được nguyên giá).

c) Nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tài sản tại cơ quan của Đảng được thanh lý theo các hình thức sau đây:

a) Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ còn sử dụng được thì điều chuyển, bán hoặc tiếp tục sử dụng nếu có nhu cầu.

b) Bán.

3. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản tại cơ quan của Đảng:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc Văn phòng Trung ương Đảng.

b) Đảng ủy ở Trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định tại Cơ quan Đảng ủy ở trung ương.

c) Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định tại cơ quan của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

d) Tỉnh ủy, thành ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định tại cơ quan của Đảng ở cấp tỉnh.

đ) Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định do cơ quan Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng.

e) Đảng ủy cấp xã quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định do Văn phòng Đảng ủy cấp xã quản lý, sử dụng.

g) Cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản quyết định thanh lý đối với:

g1) Tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo phân cấp của Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, *Đảng ủy ở Trung ương*, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tỉnh ủy, thành ủy;

g2) Tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định.

4. Trình tự, thủ tục và việc tổ chức thanh lý tài sản tại cơ quan của Đảng thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước.

Điều 28. Tiêu hủy tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Việc tiêu hủy tài sản được áp dụng đối với tài sản buộc phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật. Hình thức tiêu hủy tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định này.

3. Trình tự thủ tục và việc tổ chức tiêu hủy tài sản tại cơ quan của Đảng thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước.

4. Kinh phí tiêu hủy tài sản tại cơ quan của Đảng được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm hoặc từ quỹ dự trữ của ngân sách Đảng theo quy định của pháp luật và quy định của Đảng.

Điều 29. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn hoặc nguyên nhân khác, cơ quan của Đảng được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm:

a) Báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này về việc tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan.

b) Thực hiện ghi giảm tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền và xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định này.

3. Trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì cơ quan có tài sản thực hiện hạch toán tăng và quản lý, sử dụng tài sản được bồi thường theo quy định (trong trường hợp được bồi thường bằng tài sản); trường hợp được bồi thường bằng tiền, việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản thay thế được thực hiện theo quy định tại các Điều 10, Điều 11 Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản tại cơ quan của Đảng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước.

Điều 30. Xử lý tài sản công trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động

Việc xử lý tài sản công trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động được thực hiện theo quy định áp dụng đối với cơ quan nhà nước. Việc xử lý tài sản dôi dư sau khi sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 31. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản tại cơ quan của Đảng, sau khi trừ các chi phí có liên quan, phần còn lại được quản lý như sau:

a) Nộp vào quỹ dự trữ ngân sách Đảng tương ứng với từng cấp; trường hợp không có quỹ dự trữ ngân sách Đảng thì nộp vào quỹ dự trữ ngân sách Đảng cấp trên trực tiếp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Thực hiện theo cơ chế tài chính áp dụng với cơ quan của Đảng (đối với cơ quan của Đảng được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù).

2. Việc sử dụng số tiền đã nộp quỹ dự trữ ngân sách Đảng thực hiện theo quy định của Đảng.

Điều 32. Thống kê, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Việc thống kê, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại tài sản tại cơ quan của Đảng thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Quyền sử dụng đất tại cơ quan của Đảng được xác định giá trị để hạch toán vào giá trị tài sản theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước.

Điều 33. Báo cáo tài sản tại cơ quan của Đảng

1. Cơ quan của Đảng trực tiếp được giao quản lý, sử dụng tài sản thực hiện hạch toán và báo cáo đối với tất cả tài sản được giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thống kê.

2. Đối với các tài sản sau đây, cơ quan của Đảng được giao quản lý, sử dụng báo cáo cơ quan có thẩm quyền để quản lý thống nhất, tập trung trong phạm vi cả nước:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ, nhà khách và tài sản khác gắn liền với đất; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, nhà khách.

b) Xe ô tô.

c) Tài sản khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo tài sản quy định tại khoản 2 Điều này gồm:

a) Báo cáo kê khai tài sản.

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản.

Nội dung của báo cáo kê khai tài sản và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng thực hiện theo quy định áp dụng đối với cơ quan nhà nước.

4. Trình tự báo cáo đối với tài sản tại cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương:

a) Cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán thuộc Văn phòng Trung ương Đảng gửi báo cáo đến Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Trung ương Đảng tổng hợp, gửi báo cáo đến Bộ Tài chính.

b) Cơ quan Đảng ủy ở trung ương gửi báo cáo đến Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Tài chính.

c) Cơ quan, đơn vị của Đảng thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh gửi báo cáo đến Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tổng hợp, gửi báo cáo đến Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Tài chính.

d) Văn phòng Trung ương Đảng tổng hợp báo cáo của cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương, *Đảng ủy ở Trung ương*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của Đảng.

5. Trình tự báo cáo đối với tài sản tại cơ quan, đơn vị của Đảng ở địa phương:

a) Văn phòng Đảng ủy cấp xã gửi báo cáo đến Văn phòng tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Cơ quan, đơn vị của Đảng ở cấp tỉnh gửi báo cáo đến Văn phòng tỉnh ủy.

c) Văn phòng tỉnh ủy tổng hợp tài sản của cơ quan, đơn vị của Đảng ở cấp tỉnh và cấp xã, gửi báo cáo đến Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng tỉnh ủy tổng hợp tài sản của cơ quan, đơn vị của Đảng ở cấp tỉnh, gửi báo cáo đến Sở Tài chính.

d) Văn phòng Trung ương Đảng tổng hợp, gửi báo cáo đến cấp có thẩm quyền theo quy định của Đảng.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA ĐẢNG

Điều 34. Tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng

1. Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp (thông tin truyền thông, nhà in, nhà xuất bản, nhà khách, nhà nghỉ, trung tâm điều dưỡng,...).

2. Quyền sử dụng đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp.

3. Phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị và các tài sản hữu hình khác.

4. Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và các tài sản vô hình khác.

Điều 35. Giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp của Đảng

1. Việc giao tài sản bằng hiện vật cho đơn vị sự nghiệp của Đảng được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Việc đầu tư xây dựng cơ sở hoạt động sự nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Không bố trí vốn đầu tư công, ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới tài sản chỉ sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

3. Việc mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp của Đảng được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này. Không bố trí ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản chỉ sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

4. Việc mua sắm, quản lý, sử dụng vật tiêu hao tại đơn vị sự nghiệp của Đảng được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

5. Việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp của Đảng được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

6. Việc khoán kinh phí sử dụng tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp của Đảng được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

Điều 36. Sử dụng, quản lý vận hành, lập, quản lý hồ sơ về tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng

1. Việc sử dụng tài sản phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Không được cho mượn tài sản, sử dụng tài sản vào mục đích cá nhân.

3. Đơn vị sự nghiệp của Đảng được sử dụng nhà ở công vụ, nhà khách và tài sản khác để khai thác theo quy định về khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Đảng.

Thẩm quyền quyết định khai thác:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản do đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị của Đảng ở trung ương, trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm d khoản này.

b) Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản do đơn vị sự nghiệp của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quản lý, sử dụng, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

c) Tỉnh ủy, thành ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản do đơn vị sự nghiệp của Đảng thuộc tỉnh ủy, thành ủy quản lý, sử dụng, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp của Đảng tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định việc khai thác tài sản do đơn vị mình quản lý, sử dụng.

4. Việc sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Đơn vị sự nghiệp của Đảng không được sử dụng tài sản để thế chấp hoặc thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự khác trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản được cơ quan có thẩm quyền của Đảng giao quản lý, sử dụng.

b) Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước và quỹ dự trữ của ngân sách Đảng.

c) Quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất được sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết mà tiền thuê đất đã trả một lần cho cả thời gian thuê không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và quỹ

dự trữ của ngân sách Đảng sau khi được Chánh Văn phòng Trung ương Đảng cho phép đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng ở trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cho phép đối với đơn vị thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban thường vụ tỉnh ủy cho phép đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng ở địa phương.

6. Việc quản lý vận hành, lập, quản lý hồ sơ về tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng được thực hiện theo quy định áp dụng đối với cơ quan của Đảng quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định này.

Điều 37. Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng

1. Việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp của Đảng thực hiện theo quy định tại khoản I Điều 19 Nghị định này.

2. Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn tài chính hợp pháp khác được phép sử dụng của đơn vị sự nghiệp của Đảng.

Điều 38. Thống kê, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại, báo cáo tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng

Việc thống kê, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại, báo cáo tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng thực hiện theo quy định tại Điều 32, Điều 33 Nghị định này.

Điều 39. Sử dụng tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Việc sử dụng tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được thực hiện theo chế độ áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập và quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định này.

4. Số tiền thu được từ việc sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phải hạch toán và kế toán đầy đủ theo quy định của pháp luật về kế toán và được quản lý, sử dụng như sau:

- a) Chi trả các chi phí có liên quan.
- b) Trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có).
- c) Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

d) Nộp một phần vào quỹ dự trữ của ngân sách Đảng theo Quy chế quản lý tài chính, tài sản của đơn vị sự nghiệp do cấp có thẩm quyền của Đảng ban hành.

đ) Phần còn lại được quản lý, sử dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Quy chế quản lý tài chính, tài sản của đơn vị sự nghiệp do cấp có thẩm quyền của Đảng ban hành.

Điều 40. Chuyển đổi công năng sử dụng tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng

Việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

Điều 41. Xử lý tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng

1. Hình thức xử lý tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng bao gồm:

a) Hình thức xử lý quy định tại Điều 22 Nghị định này.

b) Xử lý tài sản trong trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của đơn vị sự nghiệp.

2. Việc xử lý tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng theo hình thức quy định tại Điều 22 Nghị định này thực hiện theo quy định tại các Điều 23, 24, 25, 26, 27, 28 và 29 Nghị định này, pháp luật có liên quan. Riêng thẩm quyền quyết định thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp của Đảng quyết định.

Việc xử lý tài sản trong trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của đơn vị sự nghiệp của Đảng thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

3. *Việc xử lý tài sản công trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động được thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Việc xử lý tài sản dư sau khi sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.*

4. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng được thực hiện như sau:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng do Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, sau khi trừ đi chi phí có liên quan, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có) và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, phần còn lại được nộp vào quỹ dự trữ ngân sách Đảng, trường hợp không có quỹ dự trữ ngân sách Đảng thì nộp vào quỹ dự trữ ngân sách Đảng cấp trên trực tiếp.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này, số tiền thu được từ xử lý tài sản, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có) và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước; phần còn lại được nộp vào quỹ dự trữ ngân sách Đảng, trường hợp không có quỹ dự trữ ngân sách Đảng thì được quản lý, sử dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Quy chế quản lý tài chính, tài sản của đơn vị sự nghiệp do cấp có thẩm quyền của Đảng ban hành.

5. Việc sử dụng số tiền đã nộp quỹ dự trữ ngân sách Đảng thực hiện theo quy định của Đảng.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN DO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHUYÊN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CHO ĐẢNG

Điều 42. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyên giao quyền sở hữu cho Đảng

1. Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyên giao quyền sở hữu cho cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở trung ương.

2. *Đảng ủy ở Trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyên giao quyền sở hữu cho Đảng ủy ở trung ương.*

3. Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyên giao quyền sở hữu cho cơ quan của Đảng, đơn vị của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

4. Tỉnh ủy, thành ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyên giao quyền sở hữu cho cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở cấp tỉnh.

5. Đảng ủy cấp xã quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyên giao quyền sở hữu cho Đảng ủy cấp xã.

Điều 43. Thủ tục xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân chuyên giao quyền sở hữu cho Đảng

1. Đối với tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyên giao quyền sở hữu cho Đảng thông qua hợp đồng tặng cho hoặc hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ Luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan (nếu có) thì không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu về tài sản theo quy định tại Nghị định này. Việc nhận tài sản tặng cho phải đáp ứng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Đối với tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyên giao quyền sở hữu cho Đảng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thủ tục xác lập quyền sở hữu thực hiện như sau:

a) Khi được các tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển giao quyền sở hữu về tài sản cơ quan, đơn vị được đề nghị tiếp nhận tài sản căn cứ vào các quy định hiện hành của pháp luật, xác định tính phù hợp của việc tiếp nhận tài sản chuyển giao và phải chịu trách nhiệm về việc xác định đó.

b) Trường hợp xác định việc tiếp nhận tài sản chuyển giao là phù hợp với quy định của pháp luật thì trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận tài sản, cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ, gửi cơ quan

quản lý cấp trên (nếu có) để trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 42 Nghị định này quyết định xác lập quyền sở hữu về tài sản.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu về tài sản bao gồm:

Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu về tài sản: 01 bản chính;

Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị (nếu có), hiện trạng của tài sản: 01 bản chính;

Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 42 Nghị định này xem xét, ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu về tài sản.

d) Trường hợp xác định việc chuyển giao tài sản không phù hợp với quy định của pháp luật thì cơ quan, đơn vị được đề nghị tiếp nhận phải từ chối tiếp nhận; trường hợp không từ chối được thì xử lý theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này.

Điều 44. Bảo quản, xử lý tài sản khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng

1. Cơ quan đơn vị được đề nghị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm tiếp nhận, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

2. Lập phương án xử lý tài sản:

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản, cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản lập phương án xử lý tài sản cùng với hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu về tài sản quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định này, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này xem xét, quyết định theo các hình thức sau đây:

a) Trường hợp tài sản chuyển giao phù hợp với đối tượng, điều kiện tiếp nhận, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật thì giao cho cơ quan, đơn vị tiếp nhận quản lý, sử dụng; trường hợp tài sản chưa có quy định về tiêu chuẩn, định mức thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này quyết định việc giao, điều chuyển cho cơ quan, đơn vị tiếp nhận quản lý, sử dụng nếu việc tiếp nhận là cần thiết để phục vụ công tác của cơ quan, đơn vị.

b) Trường hợp tài sản chuyển giao không phù hợp với đối tượng, điều kiện tiếp nhận, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật thì xử lý theo hình thức giao, điều chuyển cho cơ quan, đơn vị khác quản lý, sử dụng hoặc các hình thức theo quy định tại Nghị định này.

3. Thẩm quyền quyết định phương án xử lý: Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu về tài sản quy định tại Điều 42 Nghị định này có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Giá trị tài sản làm căn cứ cho cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phương án xử lý tài sản được xác định theo hồ sơ do tổ chức, cá nhân chuyển

giao quyền sở hữu cung cấp (thông tin về giá trị tài sản đã được theo dõi trên sổ kế toán của bên có tài sản chuyển giao, hóa đơn mua tài sản). Trường hợp theo hồ sơ không có căn cứ để xác định giá trị tài sản thì cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản làm căn cứ cho cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phương án xử lý tài sản. Trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá thì thành phần của Hội đồng gồm: thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản; đại diện cơ quan tài chính tại địa bàn nơi xử lý tài sản; đại diện các cơ quan khác có liên quan.

4. Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển: Cơ quan, đơn vị được giao, điều chuyển tài sản có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản, thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

5. Đối với tài sản xử lý theo hình thức khác: Thực hiện theo quy định tương ứng với từng hình thức tại Nghị định này.

Điều 45. Bảo quản, xử lý tài sản khi chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng

1. Cơ quan chức năng thuộc Văn phòng Trung ương Đảng (trong trường hợp chuyển giao cho cơ quan của Đảng ở trung ương), cơ quan chức năng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (trong trường hợp chuyển giao cho cơ quan, đơn vị thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), *Cơ quan Đảng ủy ở trung ương (trong trường hợp chuyển giao cho Đảng ủy ở trung ương)*, Văn phòng tỉnh ủy (trong trường hợp chuyển giao cho cơ quan của Đảng ở cấp tỉnh), cơ quan chức năng thuộc Đảng ủy cấp xã (trong trường hợp chuyển giao cho Đảng ủy cấp xã) có trách nhiệm tiếp nhận, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

2. Cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này lập phương án xử lý tài sản cùng với hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này xem xét, quyết định theo các hình thức sau đây:

a) Giao hoặc điều chuyển cho cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng hoặc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

b) Bán.

c) Giao cho đơn vị sự nghiệp của Đảng, doanh nghiệp của Đảng quản lý, khai thác theo quy định của Đảng.

d) Hình thức khác quy định tại Nghị định này.

3. Thẩm quyền quyết định phương án xử lý: Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu về tài sản quy định tại Điều 42 Nghị định này có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Riêng đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tặng lãnh đạo Đảng, việc phê duyệt phương án xử lý thực hiện sau khi có ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Đảng.

Giá trị tài sản làm căn cứ cho cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phương án xử lý tài sản được xác định theo hồ sơ do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cung cấp (thông tin về giá trị tài sản đã được theo dõi trên sổ kế toán của bên có tài sản chuyển giao, hóa đơn mua tài sản). Trường hợp theo hồ sơ không có căn cứ để xác định giá trị tài sản thì cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này thuê doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản làm căn cứ cho cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phương án xử lý tài sản. Trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá thì thành phần của Hội đồng gồm: thủ trưởng cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này; đại diện cơ quan tài chính tại địa bàn nơi xử lý tài sản; đại diện các cơ quan khác có liên quan.

4. Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển: Cơ quan, đơn vị được giao, điều chuyển tài sản có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản, thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

5. Đối với tài sản xử lý theo hình thức bán: Thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định này. Số tiền thu được từ bán tài sản, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan đến việc tiếp nhận, xử lý tài sản, phần còn lại được bổ sung vào quỹ dự trữ ngân sách Đảng.

6. Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao cho đơn vị sự nghiệp của Đảng, doanh nghiệp của Đảng quản lý, khai thác: Việc quản lý, khai thác thực hiện theo quy định của Đảng.

7. Đối với tài sản xử lý theo hình thức khác: Thực hiện theo quy định về các hình thức tương ứng tại Nghị định này.

Chương V

SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT TẠI CƠ QUAN CỦA ĐẢNG, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA ĐẢNG

Điều 46. Phạm vi nhà, đất thực hiện sắp xếp lại, xử lý

1. Nhà, đất, công trình khác gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất) do cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng đang quản lý, sử dụng đều phải thực hiện sắp xếp lại, xử lý, trừ nhà, đất quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Nhà, đất không thực hiện sắp xếp:

a) Nhà, đất mà nhà hoặc đất hoặc cả nhà và đất thuộc trường hợp thuê, thuê lại, nhận góp vốn, nhận giữ hộ, mượn của các đối tượng khác.

b) Đất, tài sản gắn liền với đất thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Nhà, tài sản gắn liền với đất thuộc trường hợp thanh lý, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo quy định tại Nghị định này.

d) Nhà, đất đang sử dụng để liên doanh, liên kết mà Hợp đồng đã ký phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết thì thực hiện theo Hợp đồng đã ký; trong thời gian liên doanh, liên kết (bao gồm cả thời gian gia hạn Hợp đồng) thì không thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này; sau khi kết thúc hoặc chấm dứt việc liên doanh, liên kết mà nhà, đất và đối tượng được giao quản lý, sử dụng thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này.

đ) Nhà, đất đang trong quá trình tố tụng, thi hành án, giải quyết tranh chấp, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo về đất đai, thực hiện kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hoặc bản án về việc thu hồi thì không thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này; trường hợp sau khi có hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam, quyết định thi hành án, quyết định giải quyết tranh chấp, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo về đất đai, giải quyết các kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hoặc bản án của cơ quan, người có thẩm quyền mà nhà, đất đó và đối tượng được quản lý, sử dụng thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này.

e) Nhà, đất đã bố trí làm nhà ở không đúng thẩm quyền và không đủ điều kiện chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý, nhà, đất bị lấn, chiếm (bao gồm trường hợp bị lấn, chiếm một phần) thì không thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này; cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng để xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về hình sự, pháp luật khác có liên quan. Sau khi hoàn thành việc xử lý và thu hồi lại nhà, đất đã bố trí làm nhà ở, nhà, đất bị lấn, chiếm mà nhà, đất đó thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này.

Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhà, đất đã bố trí làm nhà ở, nhà, đất bị lấn, chiếm phải báo cáo cơ quan quản lý cấp trên về tình hình di dời, xử lý việc lấn, chiếm và trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đến việc phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý việc lấn, chiếm.

Tổ chức, cá nhân lấn, chiếm hoặc để nhà, đất bị lấn, chiếm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý hình sự theo quy định của pháp luật. Các cơ quan chức năng có trách

nhiệm tiếp nhận, thụ lý, giải quyết việc lán, chiếm theo thời hạn và theo quy định của pháp luật.

g) Nhà, đất là kết quả của dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng chưa hoàn thành việc bàn giao đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật thì không thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định này. Sau khi hoàn thành việc bàn giao đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật mà nhà, đất đó và đối tượng được giao quản lý, sử dụng thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này.

h) Nhà, đất trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động theo quyết định hoặc phương án, đề án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 47. Thẩm quyền lập, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý

1. Thẩm quyền lập phương án:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng giao Văn phòng Trung ương Đảng lập phương án đối với nhà, đất do cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc Văn phòng Trung ương Đảng quản lý, sử dụng.

b) Đảng ủy ở Trung ương giao Cơ quan Đảng ủy ở trung ương lập phương án đối với nhà, đất do Cơ quan Đảng ủy ở trung ương quản lý, sử dụng.

c) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh giao Vụ Tài chính – Kế hoạch hoặc đơn vị thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh lập phương án đối với nhà, đất do cơ quan, đơn vị thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quản lý, sử dụng.

d) Ban thường vụ tỉnh ủy giao Văn phòng tỉnh ủy, Văn phòng Đảng ủy cấp xã hoặc cơ quan, đơn vị của Đảng ở địa phương lập phương án đối với nhà, đất của cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở địa phương.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng phê duyệt phương án đối với nhà, đất do cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc Văn phòng Trung ương Đảng quản lý, sử dụng.

b) Ban thường vụ Đảng ủy ở Trung ương phê duyệt phương án đối với nhà, đất do Cơ quan Đảng ủy ở trung ương quản lý, sử dụng.

c) Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt phương án đối với nhà, đất do cơ quan, đơn vị thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quản lý, sử dụng.

d) Ban thường vụ tỉnh ủy phê duyệt phương án đối với nhà, đất do cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở địa phương quản lý, sử dụng.

Điều 48. Hình thức (phương án) sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

1. Giữ lại tiếp tục sử dụng áp dụng đối với các cơ sở nhà, đất đang sử dụng đúng mục đích.

2. Thu hồi áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Điều 23 Nghị định này.

3. Điều chuyển áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Điều 24 Nghị định này.

4. Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Điều 25 Nghị định này.

5. Bán áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Điều 26 Nghị định này.

Điều 49. Trình tự sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

1. Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất lập Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý theo các phương án quy định tại Điều 48 Nghị định này đối với các cơ sở nhà, đất đang quản lý, sử dụng hoặc quản lý (trừ các cơ sở nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý hoặc xử lý theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà không thuộc trường hợp thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Điều 50 Nghị định này) kèm bản sao các hồ sơ pháp lý về nhà, đất và giấy tờ có liên quan đến phương án đề xuất của từng cơ sở nhà, đất để:

a) Gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét sự phù hợp của phương án; tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền lập phương án.

b) Báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý (trong trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên).

2. Việc lập Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được thực hiện theo Mẫu số 02a/SXND, Mẫu số 02b/SNXĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin kê khai, hồ sơ pháp lý về nhà, đất và hồ sơ khác phục vụ việc tổng hợp, lập, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất. Trường hợp các hồ sơ pháp lý về nhà, đất không có hoặc có nhưng bị thất lạc thì cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất có văn bản xác nhận về việc này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác nhận của mình; văn bản xác nhận được thay thế cho các hồ sơ không có hoặc bị thất lạc để phục vụ việc tổng hợp, lập, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

Cơ quan quản lý cấp trên (cơ quan tổng hợp) tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm xem xét sự phù hợp của phương án, rà soát, đối chiếu hồ sơ pháp lý và các thông tin trong Báo cáo kê khai báo đảm đầy đủ, chính xác; thời hạn rà soát, đối chiếu tối đa là 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

3. Cơ quan có thẩm quyền lập phương án chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan của địa phương (nơi có nhà, đất) để kiểm tra hiện

trạng nhà, đất. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giao các cơ quan chức năng của địa phương phối hợp với cơ quan cơ quan có thẩm quyền lập phương án thực hiện kiểm tra hiện trạng nhà, đất. Việc kiểm tra hiện trạng nhà, đất được lập thành Biên bản đối với từng cơ sở nhà, đất theo Mẫu số 03/SXND tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trên cơ sở kết quả kiểm tra hiện trạng nhà, đất và Báo cáo tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong trường hợp có cơ quan tổng hợp) hoặc Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong trường hợp không có cơ quan tổng hợp), cơ quan có thẩm quyền lập phương án có trách nhiệm lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Mẫu số 02c/SXND tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo cơ quan của người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định này để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất). Hồ sơ gồm:

a) Văn bản của cơ quan của người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định này về việc đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) có ý kiến về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong đó nêu rõ ý kiến của mình về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất quy định tại điểm b khoản này): 01 bản chính.

b) Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Mẫu số 02c/SXND tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

c) Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất: 01 bản sao.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) có trách nhiệm có ý kiến cụ thể bằng văn bản đối với phương án sắp xếp lại, xử lý của từng cơ sở nhà, đất (trong đó bao gồm ý kiến về việc có cơ sở nhà, đất nào thuộc các trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai hay không). Trường hợp lấy ý kiến về phương án sắp xếp lại, xử lý của nhiều cơ sở nhà, đất (từ 10 cơ sở nhà, đất trở lên) hoặc nhà, đất có nguồn gốc và quá trình sử dụng phức tạp thì thời hạn có ý kiến có thể kéo dài hơn nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này; trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản thông báo cho cơ quan gửi lấy ý kiến được biết trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất hoặc kể từ ngày hết thời hạn có ý kiến (trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nhà, đất không có ý kiến theo thời hạn quy định), cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại khoản 1 Điều này hoàn thiện phương án, lập hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản của cơ quan lập phương án về việc đề nghị phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong đó nêu rõ có hoặc chưa có ý kiến của Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nhà, đất và quá trình lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh): 01 bản chính.

b) Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Mẫu số 02c/SXND tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính.

c) Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản sao.

d) Ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) (trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã có ý kiến): 01 bản chính. Trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa có ý kiến thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý của địa phương nếu phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được phê duyệt không phù hợp với quy định của pháp luật.

đ) Hồ sơ pháp lý về nhà, đất của từng cơ sở nhà, đất hoặc Văn bản xác nhận về việc không có hồ sơ pháp lý hoặc có nhưng bị thất lạc của cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 bản sao.

e) Hồ sơ liên quan đến phương án (hình thức) sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: 01 bản sao.

g) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

7. Căn cứ hồ sơ quy định tại khoản 6 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định này xem xét, phê duyệt phương án theo quy định.

8. Văn bản phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được thực hiện bằng hình thức Quyết định hành chính. Nội dung chủ yếu của văn bản phê duyệt phương án gồm:

a) Tên cơ quan, đơn vị của Đảng quản lý, sử dụng nhà, đất.

b) Danh mục nhà, đất (địa chỉ nhà, đất; diện tích đất, diện tích nhà (diện tích xây dựng, diện tích sàn xây dựng, diện tích sàn sử dụng)).

c) Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

d) Trách nhiệm quyết định xử lý và tổ chức thực hiện.

9. Trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định này phê duyệt theo các hình thức bán, thu hồi, điều chuyển, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý, cơ quan, người có thẩm quyền xử lý tài sản quy định tại Nghị định này quyết định xử lý nhà, đất. Việc quyết định xử lý nhà, đất được thực hiện bằng hình thức Quyết định hành chính. Một Quyết định có thể xử lý cho từng cơ sở nhà, đất hoặc nhiều cơ sở nhà, đất.

Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đồng thời là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý nhà, đất thì việc ban hành Quyết định xử lý được thực hiện đồng thời với việc ban hành văn bản phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất không đồng thời là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý nhà, đất thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định này có trách nhiệm gửi 01 bản chính văn bản phê duyệt phương án (kèm theo bản sao các hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này) tới cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý nhà, đất để ban hành Quyết định xử lý. Việc ban hành Quyết định xử lý được thực hiện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền lập phương án gửi.

Không phải ban hành Quyết định xử lý nhà, đất đối với nhà, đất được xử lý theo hình thức giữ lại tiếp tục sử dụng hoặc tạm giữ lại tiếp tục sử dụng.

Điều 50. Thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý

Việc thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt (bao gồm các trường hợp đã được phê duyệt phương án theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nay có sự thay đổi) được thực hiện như sau:

1. Nhà, đất đã được phê duyệt phương án thu hồi, điều chuyển hoặc chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý nhưng chưa thực hiện bàn giao, tiếp nhận mà trong quá trình thực hiện cần phải thay đổi phương án đã được phê duyệt sang các phương án khác được quy định tại Điều 48 Nghị định này thì:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) về việc thay đổi phương án để báo cáo cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định này xem xét, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định này để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất). Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất), cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định này phê duyệt thay đổi phương án theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt thay đổi phương án.

b) Việc kiểm tra hiện trạng đối với nhà, đất đề nghị thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Nghị định này.

c) Việc xác định thẩm quyền phê duyệt thay đổi phương án được căn cứ vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất sau thay đổi. Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thay đổi phương án có trách nhiệm gửi 01 bản chính văn bản phê duyệt phương án thay đổi đến cơ quan, người có thẩm quyền đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước khi thay đổi (nếu cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thay đổi phương án khác cơ quan, người có thẩm quyền đã phê duyệt phương án trước khi thay đổi) để biết.

d) Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đề nghị thay đổi phải phù hợp với quy định tương ứng tại Điều 48 Nghị định này.

2. Đối với nhà, đất được phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng thì không thực hiện thủ tục thay đổi phương án; việc quản lý, xử lý sau khi được phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng được thực hiện theo quy định tại Chương III, Chương IV Nghị định này.

3. Trường hợp nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện phương án đã được phê duyệt mà phát sinh tranh chấp, khiếu nại, tố cáo hoặc bị lấn, chiếm thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhà, đất và các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật. Sau khi hoàn thành việc xử lý tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, lấn, chiếm thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp thuộc phạm vi, đối tượng sắp xếp lại, xử lý thì tiếp tục thực hiện theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp cần thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp không thuộc phạm vi, đối tượng thì dừng thực hiện phương án đã được phê duyệt. Việc quản lý, sử dụng, xử lý nhà, đất trong trường hợp này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 51. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các tài sản tại cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa hoàn thành việc xử lý thì tiếp tục thực hiện theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện khi Nghị định này có hiệu lực thi hành và việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa thực hiện ký hợp đồng kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết:

a) Đơn vị được thực hiện các công việc tiếp theo theo quy định tại Nghị định này nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 55 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Đơn vị không được tiếp tục thực hiện kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

hoặc không đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 55 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Đối với hợp đồng kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đã ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết, đơn vị sự nghiệp của Đảng tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phát sinh từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 52. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ Điều 15 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

3. Văn phòng Trung ương Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Văn phòng tỉnh ủy trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định của Đảng để thực hiện Nghị định này.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng trong việc hướng dẫn quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng; tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng để thực hiện việc công khai, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Các cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng ở trung ương và địa phương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Đức Phúc